

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2021/HNGĐ- ST**

Ngày : 02-6-2021

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Hồng Liên**

2. Ông **Phạm Đức Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 06/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đào Thị O**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn 6, xã LQ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện nay: Số 92, đường Tuệ Tĩnh, phường LS, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn 6, xã LQ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà O có mặt, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Đào Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị O và ông Nguyễn Quang T chung sống với nhau từ năm 1988, đến năm 1994 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã TA, huyện TN (nay là huyện VT), thành phố Cần Thơ. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới tại giáo xứ Bắc Xuyên và được hai bên gia đình

đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau thường xuyên. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông T chửi bới, xúc phạm, đánh đập Bà O, ngoài ra ông T còn ngoại tình. Mặc dù bà Đào Thị O và ông Nguyễn Quang T đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không thay đổi. Hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Quá trình sống ly thân thì không quan tâm chăm sóc gì đến nhau, phần ai nấy sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy bà Đào Thị O yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

Về con chung: Bà Đào Thị O trình bày quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Quang T có 03 người con chung tên là Nguyễn Trọng H, sinh ngày 20/11/1988, Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 13/4/1991 và Nguyễn Thanh S, sinh ngày 03/7/1993. Do các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ thuộc vào cha mẹ nên bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Đào Thị O trình bày bà và ông Nguyễn Quang T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đào Thị O trình bày bà và ông Nguyễn Quang T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đào Thị O chung sống với nhau từ năm 1988, đến năm 1994 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã TA, huyện Thot Nốt (nay là huyện VT), thành phố Cần Thơ. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó mới phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau thường xuyên. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do hai người bất đồng nhau về quan điểm sống, kinh tế, không có tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không thay đổi. Hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Quá trình sống ly thân thì không quan tâm chăm sóc gì đến nhau, phần ai nấy sống. Nay bà O làm đơn xin ly hôn thì ông T đồng ý ly hôn với bà O.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà Đào Thị O có 03 con chung tên là Nguyễn Trọng H, sinh ngày 20/11/1988, Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 13/4/1991 và Nguyễn Thanh S, sinh ngày 03/7/1993. Do các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ thuộc vào cha mẹ nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông Nguyễn Quang T và bà Đào Thị O có tạo lập được một số tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống ông Nguyễn Quang T và bà Đào Thị O không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05/5/2021 nhưng không được do ông Nguyễn Quang T có đơn đề nghị vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ- phiên hòa giải của Tòa án, đồng thời Bà O có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nữa và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn có đơn đề nghị được vắng mặt trong các phiên xét xử của Tòa án.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đào Thị O và ông Nguyễn Quang T được ly hôn. Về con chung do 03 con chung là Nguyễn Trọng H, sinh ngày 20/11/1988, Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 13/4/1991 và Nguyễn Thanh S, sinh ngày 03/7/1993, do các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ thuộc vào cha mẹ nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Quang T có đơn đề nghị vắng mặt trong các phiên xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

II. Về nội dung vụ án:

{1} Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị O và ông Nguyễn Quang T chung sống với nhau từ năm 1988, đến năm 1994 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã TA, huyện TN (nay là huyện VT), thành phố Cần Thơ. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới tại giáo xứ Bắc Xuyên và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau thường xuyên. Theo bà O nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông T chửi bới, xúc phạm, đánh đập bà O, ngoài ra ông T còn ngoại tình. Còn ông Nguyễn Quang T trình bày mâu thuẫn là do hai người bất đồng nhau về quan điểm sống, kinh tế, không có tiếng nói chung. Từ cuối năm 2019 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình sống ly thân thì không quan tâm chăm sóc gì đến nhau, phần ai nấy sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà O yêu cầu được giải quyết ly hôn và ông T cũng đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông Nguyễn Quang T có đơn đề nghị vắng mặt nên hòa giải không thành. Tại phiên tòa bà Đào Thị O yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quang T, còn ông Nguyễn Quang T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã ly thân, không hàn gắn tình cảm được nên căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử bà Đào Thị O và ông Nguyễn Quang T được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} Về con chung: Xét lời khai của bà Đào Thị O và ông Nguyễn Quang T, căn cứ vào giấy khai sinh bà Đào Thị O nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống Bà O và ông T có 03 người con chung tên là Nguyễn Trọng H, sinh ngày 20/11/1988,

Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 13/4/1991 và Nguyễn Thanh S, sinh ngày 03/7/1993. Do các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ thuộc vào cha mẹ nên không xem xét nên không xem xét giải quyết.

{3} *Về tài sản chung*: Bà Đào Thị O và ông Nguyễn Quang T trình bày quá trình chung sống hai người có tạo lập được một số tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{4} *Về nợ chung*: Bà Đào Thị O và ông Nguyễn Quang T trình bày quá trình chung sống hai người không có nợ chung nên không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc bà Đào Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, , Điều 228,

Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị O đối với ông Nguyễn Quang T về việc “*Xin ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đào Thị O và ông Nguyễn Quang T được ly hôn.

2. Về án phí: Buộc bà Đào Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Đào Thị O đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004768 ngày 11/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã TA, VT, Tp. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Hà Vi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã LQ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà Vi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã LQ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà Vi

